TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐĂKLĂK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v: "Kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng N Thắng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mạnh và ông Trương Minh Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký tòa án nhân dân huyện CưM'gar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 01/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1979 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Quách Hữu D; sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Cùng trú tại địa chỉ: Số 508 đường HV, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Tôi và anh Quách Hữu D có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. Trong thời gian chung sống giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn từ nhỏ đến lớn. Đặc biệt là chồng tôi thường xuyên bài bạc, không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, thường đánh vợ vô cớ. Đến nay, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng tới mức có thể giải quyết được, tôi nghiêm túc nhìn nhận và cảm thấy không thể tiếp tục chung sống cũng như duy trì quan hệ hôn nhân với chồng

tôi thêm nữa. Tiếp tục chỉ làm khổ hai người và 2 con của chúng tôi. Vì vậy, Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện C xem xét giải quyết cho tôi ly hôn với anh Quách Hữu D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Quách Hữu H, sinh ngày 15/5/2002 và cháu Quách Hữu N; sinh ngày 16/10/2004. Tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Quách Hữu H và cháu Quách Hữu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi yêu cầu anh Quách Hữu D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Quách Hữu D:*

Tòa án nhân dân huyện C đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại tổ trưởng tổ dân phố 8, thị trấn QP, huyện C thì chính quyền địa phương cung cấp như sau: Anh Quách Hữu D có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ dân phố 8, thị trấn QP, huyện C. Tuy nhiên, hiện nay anh D thường xuyên không có mặt ở nhà.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quách Hữu D và có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Quách Hữu H, sinh ngày 15/5/2002 và cháu Quách Hữu N, sinh ngày 16/10/2004 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N yêu cầu anh Quách Hữu D phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Quách Hữu H mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N; Tuyên bố chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Quách Hữu D. Giao cháu Quách Hữu H; sinh ngày 15/5/2002 cho anh Quách Hữu D và giao cháu Quách Hữu N; sinh ngày 16/10/2004 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Quách Hữu D và Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Quách Hữu D nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Anh Quách Hữu D có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 8, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên C nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương xác nhận anh Quách Hữu D hiện nay vẫn đang còn sinh sống tại tổ dân phố 8, thị trấn QP, huyện C, Ban tự quản tổ dân phố 8 cũng đã tiến hành hòa giải nhưng anh Quách Hữu D không hợp tác. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị N và anh Quách Hữu D có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn QP, huyện C trên cơ sở tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị N và anh D thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, đời sống chung không hạnh phúc. Chị N và anh D đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh D, xét yêu cầu của chị N là phù hợp vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương cũng cho biết hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Như vậy có thể thấy, hôn nhân giữa chị Na và anh D đã trầm trọng, việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh D là chính đáng cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Quách Hữu D có 02 con chung là cháu Quách Hữu H; sinh ngày 15/5/2002 và cháu Quách Hữu N; sinh ngày 16/10/2004, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 2 cháu Quách Hữu H, cháu Quách Hữu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Quách Hữu D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Quách Hữu H mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy xét hiện nay cháu Quách Hữu H đang ở với anh Quách Hữu D và nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với ông D. Xét điều kiện, hoàn cảnh cuộc sống ổn định và cháu cũng có nguyện vọng được ở với anh D nên việc giao cháu Quách Hữu H, sinh ngày 15/5/2002 cho ông Quách

Hữu D và giao cháu Quách Hữu N, sinh ngày 16/10/2004 cho chị Nguyễn Thị N để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh Quách Hữu D, chị Nguyễn Thị N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Quách Hữu D

Về con chung: Giao cháu Quách Hữu H; sinh ngày 15/5/2002 cho anh Quách Hữu D và giao cháu Quách Hữu N; sinh ngày 16/10/2004 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Quách Hữu D, Nguyễn Thị N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Quách Hữu D, chị Nguyễn Thị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006637 ngày 14/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

ĐẶNG NGỌC THẮNG

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh DakLak;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND TT QP;
- Lưu Hsơ vụ án, lưu TA